TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **428**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2022
V/v:*"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng L**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị H

Bà Nguyễn Thị L

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị L - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Minh V** - Kiểm sát viên.

Ngày **30** tháng **8** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* thụ lý số **382**/2022/TLST–HNGĐ ngày 09/8/2022. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị L, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: xóm S, thôn B, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Hiện cư trú tại: số nhà 14, thôn Cao Lâm, xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: xóm S, thôn B, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị L - *vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt*. Ông Nguyễn Văn T – *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn - Bà Trần Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T quen biết nhau được khoảng 06 tháng thì hai bên quyết định về chung sống cùng nhau. Khoảng tháng 12/1993, bà và ông T

được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Do khi về chung sống với ông Nguyễn Văn T bà mới 17 tuổi nên ông bà chưa đi đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống cùng nhau cho đến nay, bà và ông T cũng không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Trong thời gian chung sống thì giữa bà và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 1998 thì giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến tháng 06/2009 thì bà và ông T ly thân cho đến nay vì ông T đã đi ở với người phụ nữ khác nên bà và ông T không ai quan tâm đến ai. Chỉ thỉnh thoảng có công việc gia đình liên quan đến con chung thì giữa bà và ông T mới nói chuyện với nhau.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ tuyên bố giữa bà và ông Nguyễn Văn T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998.

Hiện nay, các con chung giữa bà và ông T đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Bà không yêu cầu giải quyết

** Bị đơn – Ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Về hôn nhân: Ông thừa nhận quá trình giữa ông và bà Trần Thị L quen biết nhau, thời gian hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và quá trình chung sống như bà Trần Thị L trình bày. Việc hai bên gia đình tổ chức đám cưới cho ông và bà Trần Thị L là tổ chức tại huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, do thời gian đó hoàn cảnh gia đình khó khăn nên giữa ông và bà Trần Thị L không có điều kiện để về địa phương đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định. Từ đó đến nay ông và bà L cũng không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong thời gian chung sống với nhau thì giữa ông và bà L có nhiều mâu thuẫn, ông thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn ban đầu là do ông nhưng sau đó giữa ông và bà L không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Giữa ông và bà L đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay. Thỉnh thoảng có công việc liên quan đến gia đình và con chung thì ông và bà L vẫn nói chuyện, trao đổi với nhau để giải quyết. Nay bà L đề nghị Tòa án tuyên bố giữa ông và bà Trần Thị L không phải là vợ chồng thì ông nhất trí.

Về con chung: Ông thừa nhận, ông và bà Trần Thị L có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998.

Hiện nay, các con chung giữa ông và bà L đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Trần Thị L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Nguyễn Văn T nhất

trí đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Nguyễn Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T; *về con chung, về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn B, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà Trần Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Trần Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận ông, bà được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 12/1993, nhưng từ khi tổ chức cưới cho đến nay, bà L và ông T không đi đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nay bà L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T. Ông T cũng đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà L.

Xét thấy: Do bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào mục 3 Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị L để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T đều thừa nhận các con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét

[2.3] *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung:* Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] *Về án phí:* Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị Quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

[2]. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T có 03 con chung là chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1994; anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1996 và anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998. Các con chung đều đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

[4]. Về tài sản, công sức, công nợ: Không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị L đã nộp 300.000 đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0076129 ngày 09 tháng 8 năm 2022)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND Tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THA DS huyện Chương Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng L

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA